|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GDĐT ĐẠI LỘC**  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II -NĂM HỌC 2023-2024**  **Môn: KHTN – Lớp 6**  **Thời gian: 90 phút**  *(Không kể thời gian giao đề)* |

**A. MA TRẬN**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra từ tuần 19 đến tuần 25*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 11 câu, thông hiểu: 3 câu, vận dụng: 2 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 1.25 điểm; Thông hiểu: 2.25 điểm; Vận dụng: 1.5 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

- Nội dung nửa đầu học kì 2:

* Hóa: 2,5đ: *(Nhận biết: 1.0 điểm, Thông hiểu: 0,75 điểm, Vận dụng: 0.5 điểm, VDC : 0.25 điểm)*
* Sinh: 2,5đ : (*Nhận biết: 1.0 điểm, Thông hiểu: 0.75, Vận dụng: 0.5 điểm, VDC : 0.25 điểm)*
* Lý: 5,0 đ: *(Nhận biết: 2.0 điểm, Thông hiểu: 1.5 điểm, VD: 1.0 điểm, VDC: 0.5 điểm)*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số ý/ số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| Chương IV. Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng (1 tiết) |  | 2 |  |  |  |  |  |  |  | **2** | **0,5** |
| Chương V. Hỗn hợp – Tách chất ra khỏi hỗn hợp (6 tiết) |  | 2 | 1  (0,75) |  | 1  (0,5) |  | 1  (0,25) |  | **3** | **2** | **2,0** |
| Chương VII. Đa dạng thế giới sống (7 tiết) | **1**  **(0.25)** | 3 | **1**  **(0.5)** | 1 | **1**  **(0.5)** |  | **1**  **(0.25)** |  | **4** | **4** | **2,5** |
| Chương VIII. Lực trong đời sống (9 tiết) |  | **3** | **1**  **(1.0)** | **2** | **1**  **(0.5)** | **2** | **1**  **(0.5)** |  | **4** | **8** | **3,75** |
| Chương IX. Năng lượng (5 tiết) | **1**  **(1.0)** | **1** |  |  |  |  |  |  |  |  | **1,25** |
| **Số câu** | **2** | **11** | **3** | **3** | **3** | **2** | **3** |  | **11** | **16** |  |
| **Điểm số** | **1.25** | **2.75** | **2.25** | **0.75** | **1.5** | **0.5** | **1.0** |  |  |  | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4điểm** | | **3.0điểm** | | **2.0 điểm** | | **1.0 điểm** | | **10điểm** | | **10 điểm** |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | | **MỨC ĐỘ** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | | **SỐ SỐ Ý / SỐ CÂU HỎI** | | **CÂU HỎI** | |
| **TL**  **(số ý)** | **TN**  **(số câu)** | **TL**  **(số ý)** | **TN**  **( số câu)** |
| **CHƯƠNG III. MỘT SỐ VẬT LIỆU, NGUYÊN LIỆU NHIÊN LIỆU, LƯƠNG THỰC –**  **THỰC PHẨM THÔNG DỤNG** | | | | | | | | |
| **Một số lương thực – thực phẩm**  **(1 tiết)** | **Biết** | | | – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống. |  | 2 |  | C3, C4 |
| **Vận dụng** | | | – Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất lương thực – thực phẩm thông dụng. |  |  |  |  |
| – Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số lương thực – thực phẩm. |  |  |  |  |
| **CHƯƠNG IV. HỖN HỢP, TÁCH CHẤT RA KHỎI HỖN HỢP** | | | | | | | | |
| **Hỗn hợp các chất**  **(3 tiết)** | ***Nhận biết*** | | | - Nêu được khái niệm chất tinh khiết, hỗn hợp  - Nhận ra được một số khí cũng có thể hòa tan trong nước để tạo thành một dung dịch; các chất rắn cũng có thể hòa tan và không tan trong nước.  - Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến chất rắn hòa tan trong nước |  | 2 |  | C1, C2 |
| ***Thông hiểu*** | | | - Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất và hỗn hợp không đồng nhất, dung dịch huyền phù, nhũ tương qua quan sát. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng*** | | | - Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi, dung dịch là gì; phân biệt được dung môi và dung dịch.  - Quan sát một số hiện tượng trong thực tế để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương. | 1 |  | C26 |  |
| **Tách chất khỏi hỗn hợp**  **(3 tiết)** | ***Nhận biết*** | | | - Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó..  - Chỉ ra được mối liên hệ tính chất vật lí của một số chất thông với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu*** | | | - Phân biệt được các chất có trong hỗn hợp có sự khác nhau về tính chất, biết dựa trên sự khác nhau đó để tách chất ra khỏi hỗn hợp. | 1 |  | C25 |  |
| ***Vận dụng*** | | | - Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết. |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao*** | | | - Vận dụng để giải quyết các câu hỏi gắn liền với cuộc sống | 1 |  | C27 |  |
| **CHƯƠNG VII. ĐA DẠNG THẾ GIỚI SỐNG** | | | | | | | | |
| **Đa dạng nguyên sinh vật – Thực hành quan sát nguyên sinh vật**  **(3 tiết)** | | Nhận biết | - Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.  - Nêu được đặc điểm , đa dạng của nguyên sinh vật | |  |  |  |  |
| Thông hiểu | - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...). | |  |  |  |  |
| - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.  - Trình bày được vai trò của nguyên sinh vật đối với tự nhiên và con người | |  |  |  |  |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. | | 1 |  | C18 |  |
| Vận dụng | - Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi.  - Gải thích được một số hiện tượng trong cuộc sống | | 1 |  | C20 |  |
| **Nấm – Thực hành quan sát các loại nấm**  **(4 tiết)** | | Nhận biết | - Nêu được một số bệnh, tác hại do nấm gây ra.  - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. | | 1 | 3 | C17 | C5, C6, C7 |
| Thông hiểu | - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...).  - Đề xuất các biện pháp phòng tránh bệnh về nấm | |  | 1 |  | C 8 |
| Vận dụng | - Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). | |  |  |  |  |
| Vận dụng cao | Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... | | 1 |  | C19 |  |
| **CHƯƠNG VIII. LỰC TRONG ĐỜI SỐNG** | | | | | | | | |
| **Biến dạng của lò xo**  **( 1 tiết)** | | **Nhận biết** | - Nhận biết được khi nào lực đàn hồi xuất hiện.  - Lấy được một số ví dụ về vật có khả năng đàn hồi tốt, kém.  - Kể tên được một số ứng dụng của vật đàn hồi. | |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Chỉ ra được phương, chiều của lực đàn hồi khi vật chịu lực tác dụng.  - Chứng tỏ được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo. | |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Giải thích được một số hiện tượng thực tế về: nguyên nhân biến dạng của vật rắn; lò xo mất khả năng trở lại hình dạng ban đầu; ứng dụng của lực đàn hồi trong kĩ thuật. | |  |  |  |  |
| **Trọng lực lực hấp dẫn**  **(3 tiết)** | | Nhận biết | - Lấy được ví dụ để chứng tỏ có lực hút trái đất tác dụng lên vật, phương và chiều của trọng lưc. | |  |  |  |  |
| - Nêu được đơn vị lực đo lực | |  |  |  |  |
| Thông hiểu | - Đọc và giải thích được số chỉ về trọng lượng, khối lượng ghi trên các nhãn hiệu của sản phẩm tên thị trường. | |  |  |  |  |
| - Giải thích được một số hiện tượng thực tế liên quan đến lực hấp dẫn, trọng lực. | |  |  |  |  |
| Vận dụng |  | | 1 | 2 | C22 | C15, C16 |
|  | | Vận dụng cao | Tính trọng lượng của vật khi biết khối lượng | | 1 |  | C24 |  |
| **Lực ma sát (3 tiết)** | | Nhận biết | - Lấy được ví dụ về lực ma sát trong đời sống | |  | 1 |  | C14 |
| Thông hiểu | - Chỉ ra được nguyên nhân gây ra lực ma sát.  - Nêu được khái niệm về lực ma sát trượt (ma sát lăn, ma sát nghỉ). Cho ví dụ.  - Phân biệt được lực ma sát nghỉ, lực ma sát trượt, lực ma sát lăn. | | 1 | 1 | C23 | C11 |
| Vận dụng | - Giải thích được các hiện tượng liên quan đến lực ma sát | |  |  |  |  |
| **Lực cản của nước (2 tiết)** | | Nhận biết | Nhận biết được lực cản của nước là gì | |  | 2 |  | C10, C12 |
| Thông hiểu | - lực cản của nước phụ thuộc vào yếu tố nào | |  | 1 |  | C13 |
| - Giải thích được một số hiện tượng thực tế liên quan đến lực cản của nước | |  |  |  |  |
| Vận dụng | Liên hệ thực tế mọi vật chuyển động trong nước đều chịu lực cản của nước | |  |  |  |  |
| **CHƯƠNG IX. NĂNG LƯỢNG** | | | | | | | | |
| **Năng lượng và sự truyền năng lượng -**  **Một số dạng năng lượng**  **(4 tiết)** | | Nhận biết | Nhận biết các nguồn năng lượng xung quanh | |  |  |  |  |
| - Lấy được vi dụ về biểu hiện của năng lượng | | 1 |  | C21 |  |
| Biết năng lượng có thể truyền từ vật này sang vật khác và truyền từ nơi này đến nơi khác | |  |  |  |  |
| Thông hiểu | - Chỉ ra được dạng năng lượng đang sử dụng trong những trường hợp khác nhau | |  |  |  |  |
| Các biểu hiện của năng lượng điện, năng lượng hóa học | |  |  |  |  |
| **Sự chuyển hóa năng lượng**  **(1 tiết)** | | **Nhận biết** | - Chỉ ra được một số ví dụ trong thực tế về sự truyền năng lượng giữa các vật.  - Phát biểu được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng. | |  | 1 |  | C9 |
| **Thông hiểu** | - Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh hoạ.  **-** Giải thích được các hiện tượng trong thực tế có sự chuyển hóa năng lượng chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. | |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Vận dụng được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng để giải thích một số hiện tượng trong tự nhiên và ứng dụng của định luật trong khoa học kĩ thuật.  - Lấy được ví dụ thực tế về ứng dụng trong kĩ thuật về sự truyền nhiệt và giải thích được. | |  |  |  |  |

**HẾT**

**C. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I- PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4,0đ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| Đáp án | C | C | B | B | A | C | A | D | D | B | A | B | A | D | C | D |

**II- PHẦN TỰ LUẬN: (6,0đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***CÂU*** |  | **Điểm** |
| ***Câu 17***  ***(0.25)*** | Căn cứ vào đặc điểm cấu tạo, nấm được chia thành 2 nhóm: Nấm đơn bào (nấm men,…) và nấm đa bào (nấm rơm,…) | *0.25* |
| ***Câu 18***  ***(0.5)*** | Một số biện pháp phòng tránh bệnh do nguyên sinh vật gây ra:   * Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh * Ăn chín, uống sôi * Vệ sinh cá nhân sạch sẽ, vệ sinh môi trường xung quanh * Tẩy giun 2 lần/ năm   Lưu ý: HS nêu đúng 2 – 3 biện pháp được 0.25 điểm | *0.25*  *0.25* |
| ***Câu 19***  ***(0.5)*** | Vì trong mẫu nước có các nguyên sinh vật (trùng roi xanh, trùng giày,…), cơ thể trùng roi xanh có chứa các hạt diệp lục, nên khi đặt ở nơi có ánh sáng trùng roi xanh sẽ di chuyển đến để quang hợp nên sẽ thấy nước có màu xanh | *0.5* |
| ***Câu 20***  ***(0.25)*** | Vì khi đồ ăn, thức uống đã có màu sắc khác thường và quá hạn sử dụng sẽ dễ nhiễm các loại nấm mốc gây nguy hiểm cho cơ thể. | *0.25* |
| ***Câu 21***  ***(1.0)*** | a/ sai  b/ đúng  c/ đúng  d/ đúng | *0.25*  *0.25*  *0.25*  *0.25* |
| ***Câu 22***  ***(0.5)*** | - Điểm đặt: tại C  - Phương thẳng đứng  - Chiều từ trên xuống dưới  - Độ lớn: P = 5 x 300 = 1500N | *0.5* |
| ***Câu 23***  ***(1.0đ)*** | - Trên lốp xe có các khía rảnh để tăng ma sát, giúp xe đi lại an toàn hơn  - Lốp xe bị mòn sẽ không an toàn vì lực ma sát giữa bánh xe với mặt đường giảm, xe dể bị trượt và gây tai nạn | *0.5*  *0.5* |
| ***Câu 24***  ***(0.5đ)*** | - Đổi đơn vị m = 400g = 0,4kg  - Trọng lượng của quyển sách: P =10.m = 10.0,4 = 4 (N) | *0.25*  *0.25* |
| ***Câu 25***  ***(0.75)*** | *- Hòa tan hỗn hợp muối và cát vào nước cho đến khi muối tan ra, không tan được nữa*  *- Dùng giấy lọc để lọc hỗn hợp gồm nước muối và cát ta thu được phần cát đọng trên giấy lọc*  *- Đun sôi dung dịch nước muối đến khi muối kết tinh ta thu được muối ăn* | *0,25*  *0,25*  *0,25* |
| ***Câu 26***  ***(0.5)*** | a) Phù sa là một loại huyền phù. Phù sa gồm các chất hữu cơ không tan, lơ lửng trong nước rồi dần dần lắng xuống.  b) Phù sa có vai trò rắt quan trọng với nông dân vùng Đồng bằng Sông Cửu Long vì cung cấp rất nhiều chất dinh dưỡng cho cây trồng, làm mùa màng bội thu. | *0,25*  *0,25* |
| ***Câu 27***  ***(0.25)*** | *- Do nước nóng hoà tan nhiều muối hơn nước lạnh nên lúc đầu bơm nước nóng xuống hầm mỏ để hoà tan được nhiều muối. Sau đó hút nước muối nóng lên, cho chảy qua các tấm máng để nguội, sự hoà tan của muối giảm, muối bị tách ra dạng tinh thể.* | *0,25* |